

TẬP L ÀM THÊM lớp 12

Cách dùng mạo từ A, An và The

"A" và "An" dùng chỉ những sự vật, hiện tượng cụ thể người nghe không biết, "The" chỉ sự việc cả người nói và người nghe đều biết.

Mạo từ "The"

- Dùng "The" khi nói về một vật riêng hoặc một người mà cả người nghe và người nói đều biết.

Ví dụ: The dog is on the chair. (Con chó ở trên ghế ấy)

- "The" cũng được dùng để nói về một vật thể hoặc địa điểm đặc biệt, duy nhất.

Ví dụ: The Eiffel Tower is in Paris. (Tháp Eiffel ở Paris)

The Earth revolves around the Sun. (Trái đất xoay xung quanh mặt trời)

- Trong một số trường hợp, "The" có thể dùng với danh từ số ít và số nhiều.

Ví dụ: The cat (Con mèo), The cats (những con mèo)

- "The" đứng trước danh từ, xác định bằng một cụm từ hoặc một mệnh đề.

Ví dụ: The girl in uniform. (Cô gái mặc đồng phục)

- Mạo từ "The" đứng trước từ chỉ thứ tự của sự việc như "First" (thứ nhất), "Second" (thứ nhì), "only" (duy nhất)

Ví dụ: The first day (ngày đầu tiên)

The best time (thời gian thuận tiện nhất)

The only way (cách duy nhất)

- "The" + Danh từ số ít tượng trưng cho một nhóm động vật, một loài hoặc đồ vật

Ví dụ: The whale is in danger of becoming extinct (Cá voi đang trong nguy cơ tuyệt chủng)

- "The" dùng với một thành viên của một nhóm người nhất định

Ví dụ: The small shopkeeper is finding business increasingly difficult. (Giới chủ tiệm nhỏ nhận thấy việc buôn bán ngày càng khó khăn)

Mạo từ "The" đứng trước tính từ chỉ một nhóm người, một tầng lớp trong xã hội

Ví dụ: The old (người già)

The rich and the poor (người giàu và người nghèo)

- Dùng trước những danh từ riêng chỉ biển, sông, quần đảo, dãy núi, tên gọi số nhiều của các nước, sa mạc, miền

Ví dụ: The Pacific (Thái Bình Dương); The Netherlands (Hà Lan)

- "The" + tên họ (dạng số nhiều) chỉ gia tộc...

Ví dụ: The Smiths (Gia đình nhà Smiths)

Mạo từ "A" và "An"

- "A" và "An" có cách sử dụng gần giống nhau. Tuy nhiên, dùng "An" khi chữ đằng sau bắt đầu bằng nguyên âm (a, o, u e, i) và dùng "A" khi chữ đằng sau bắt đầu bằng các phụ âm còn lại.

Ví dụ: An hour (một giờ), a dog (một con chó)

- Từ "A" và "An" dùng khi danh từ người nói nhắc đến không đặc biệt.

Ví dụ: I would like an apple. (Tôi muốn một trái táo.)

- "A" và "An" dùng để giới thiệu về thứ lần đầu tiên nhắc tới với người nghe (người nghe chưa biết gì về thứ này). Sau khi giới thiệu, người nói có thể dùng mạo từ "The" khi nhắc tới vật đó.

Ví dụ: John has a dog and cat. The dog is called Rover, and the cat is called Fluffy. (John có một con chó và một con mèo. Chú chó tên là Rover và chú mèo tên là Fluffy.)

- Trong một số trường hợp, "A", "An" được dùng với danh từ số ít

Ví dụ: A cat (một con mèo)

Không sử dụng mạo từ

- Mạo từ không được sử dụng khi nói về sự việc chung hoặc nhắc tới ví dụ.

Ví dụ: I don't like apples (Tôi không thích táo)

- Một số tên quốc gia, thành phố, các bang không dùng mạo từ đứng trước.
Ví dụ: I live in London. (Tôi sống tại London)
- Trừ trường hợp của The Philippines, The United Kingdom, The United States of America.
- Tên các môn học không sử dụng mạo từ
Ví dụ: John studies economics and science.
- Trước tên quốc gia, châu lục, núi, hồ, đường.
Ví dụ: Europe (châu Âu), South America (Nam Mỹ), France (Pháp)
- Sau tính từ sở hữu hoặc sau danh từ ở sở hữu cách
Ví dụ: The girl's mother (Mẹ của cô gái)
- Trước tên gọi các bữa ăn.
Ví dụ: They invited some friends to dinner. (Họ mời vài người bạn đến ăn tối)
- Trước các tước hiệu
Ví dụ: King Louis XIV of France (Vua Louis XIV của Pháp)
- Trong một số trường hợp đặc biệt
Ví dụ: In spring/in autumn (vào mùa xuân/mùa thu), last night (đêm qua), next year (năm tới), from beginning to end (từ đầu tới cuối), from left to right (từ trái sang phải).

Exercise 1: Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống (chú ý: ký hiệu “x” có nghĩa là không cần mạo từ)

- We are looking for _____ place to spend _____ night.
A. the/the B. a/the C. a/a D. the/a
- Please turn off _____ lights when you leave _____ room.
A. the/the B. a/a C. the/a D. a/the
- We are looking for people with _____ experience.
A. the B. a C. an D. x
- Would you pass me _____ salt, please?
A. a B. the C. an D. x
- Can you show me _____ way to _____ station?
A. the/the B. a/a C. the/a D. a/the
- She has read _____ interesting book.
A. a B. an C. the D. x
- You'll get _____ shock if you touch _____ live wire with that screwdriver.
A. an/the B. x/the C. a/a D. an/the
- Mr. Smith is _____ old customer and _____ honest man.
A. An/the B. the/an C. an/an D. the/the
- _____ youngest boy has just started going to _____ school.
A. a/x B. x/the C. an/x D. the/x
- Do you go to _____ prison to visit him?
A. the B. a C. x D. an
- _____ eldest boy is at _____ college.
A. a/the B. the/x C. x/a D. an/x
- Are you going away next week? No, _____ week after next.
A. an B. a C. the D. x
- Would you like to hear _____ story about _____ English scientist?
A. an/the B. the/the C. a/the D. a/ an
- There'll always be a conflict between _____ old and _____ young.
A. the/the B. an/a C. an/the D. the/a
- There was _____ collision at _____ corner.
A. the/a B. an/the C. a/the D. the/the
- My mother thinks that this is _____ expensive shop.

- A. the B. an C. a D. x
 17. Like many women, she loves _____ parties and _____ gifts.
 A. the/ a B. a/the C. a/a D. x/x
 18. She works seven days _____ week.
 A. a B. the C. an D. x
 19. My mother goes to work in _____ morning.
 A. a B. x C. the D. an
 20. I am on night duty. When you go to _____ bed, I go to _____ work.
 A. a/x B. a/the C. the/x D. x/x

Exercise II. Luyện tập 3 loại câu điều kiện -chia động từ trong ngoặc

1. If we meet at 9:30, we (have) _____ plenty of time.
2. If you (find) _____ a skeleton in the cellar, don't mention it to anyone.
3. The zookeeper would have punished her with a fine if she (feed) _____ the animals..
4. If you pass your examination, we (have) _____ a celebration.
5. Lisa would find the milk if she (look) _____ for it in the fridge.
6. What (happen) _____ if I press this button?
7. The door will be unlocked if you (press)_____ the green button.
8. I should have voted for her if I (have) _____ a vote then.
9. If you go to Paris, where you (stay) _____?
10. If you (swim) _____ in this lake, you'll shiver from cold.
11. If someone offered to buy you one of those rings, which you (choose) _____?
12. The flight may be cancelled if the fog (get) _____thick.
13. If the milkman (come) _____, tell him to leave two pints.
14. I (call) _____ the office if I were you.
15. Someone (sit) _____on your glasses if you leave them there.
16. You would hear my explanation if you (not talk) _____so much.
17. What I (do) _____if I hear the burglar alarm?
18. If you (read) _____the instructions carefully, you wouldn't have answered the wrong question.
19. If Mel (ask) _____ her teacher, he'd have answered her questions.
20. I would repair the roof myself if I (have) _____a long ladder